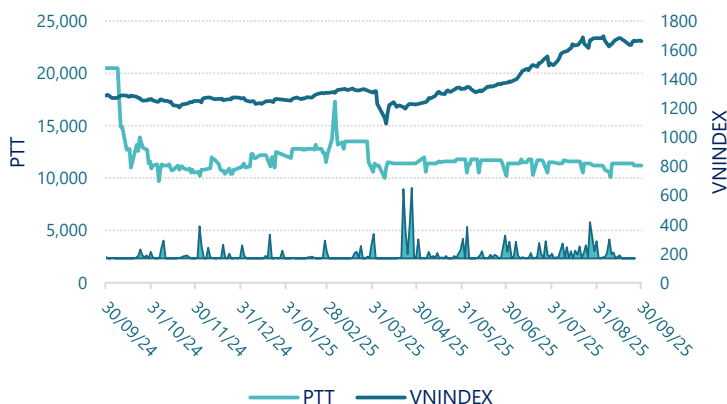


CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương (UPCOM: PTT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,700
SL cổ phiếu LH	16,493,172
KLGD BQ 20 phiên (CP)	175
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	185
P/E	7.4
EPS	1,506

DT thuần

Q3/25

175

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 68.0 | 63.3%

YoY: ▲ 96.1 | 121%

LN sau thuế

Q3/25

6.90

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.31 | 23.5%

YoY: ▼ 0.37 | -5.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

7.2%

+/- YoY: ▼ 5.7%

DT thuần

9T 2025

353

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 117 | 49.5%

LN sau thuế

9T 2025

18.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.30 | 2.1%

ROE

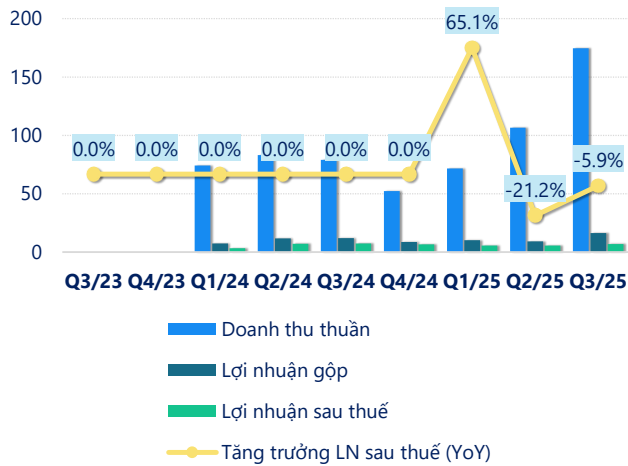
Q3/25

11.1%

#VALUE!

tỷ VNĐ

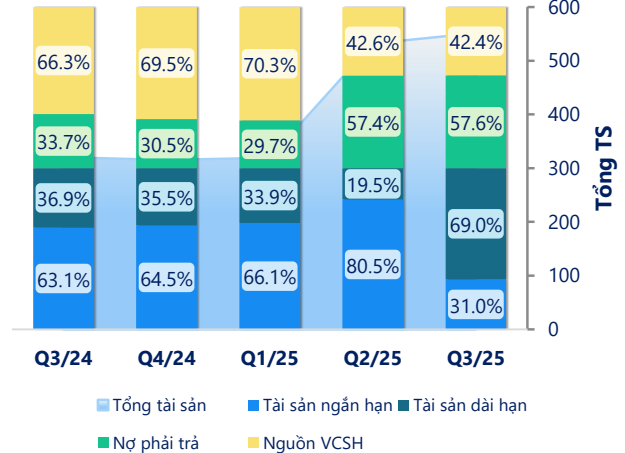
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

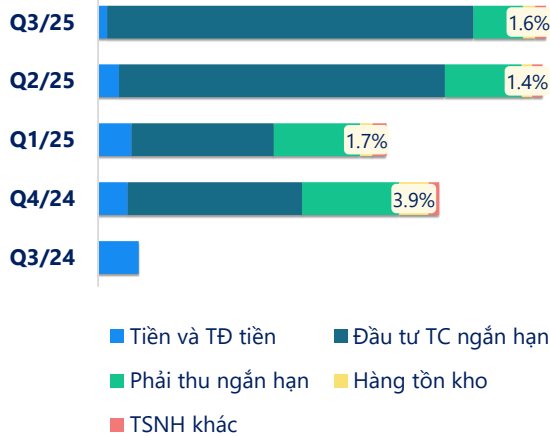
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



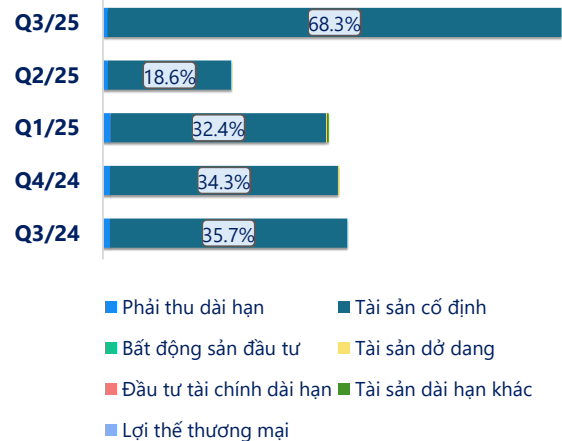
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

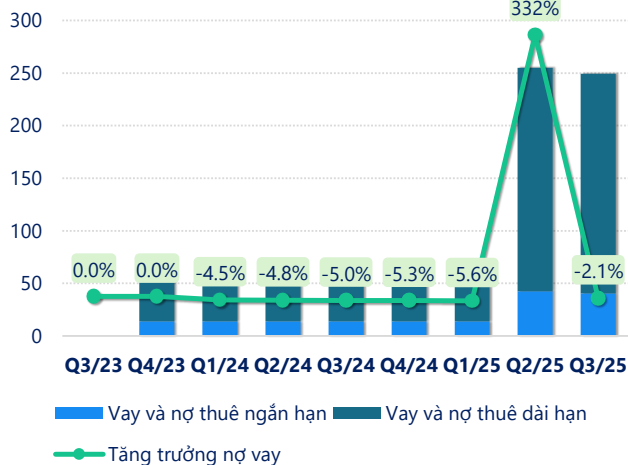
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

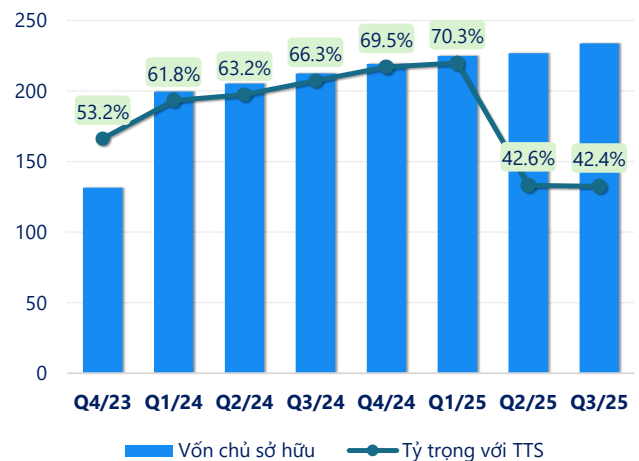
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

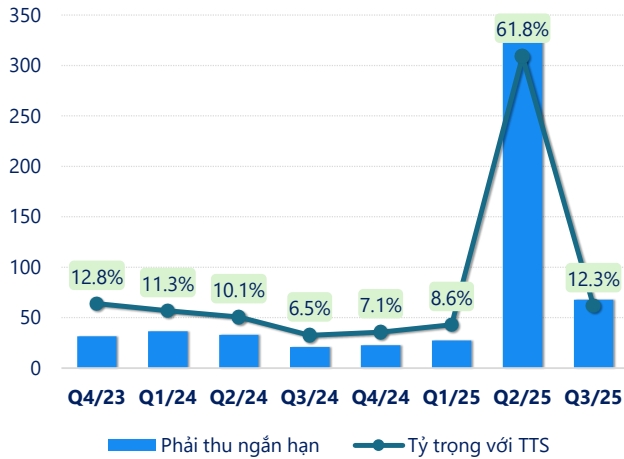
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

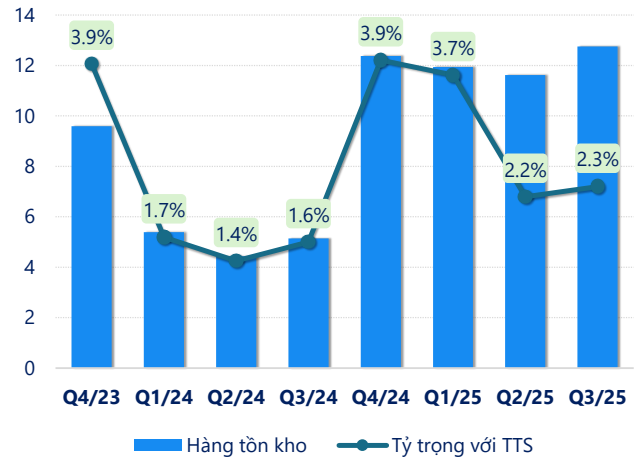
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

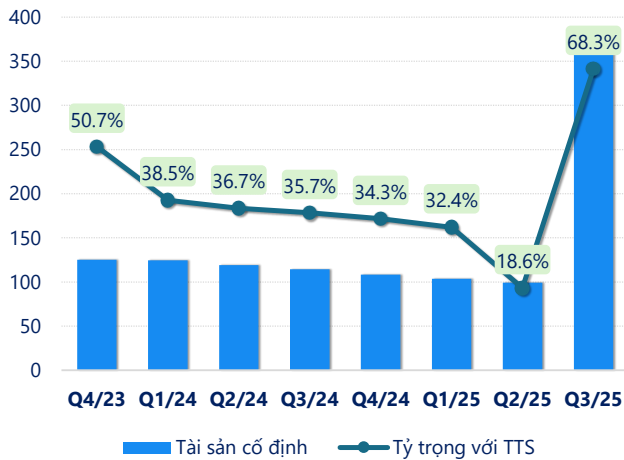
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

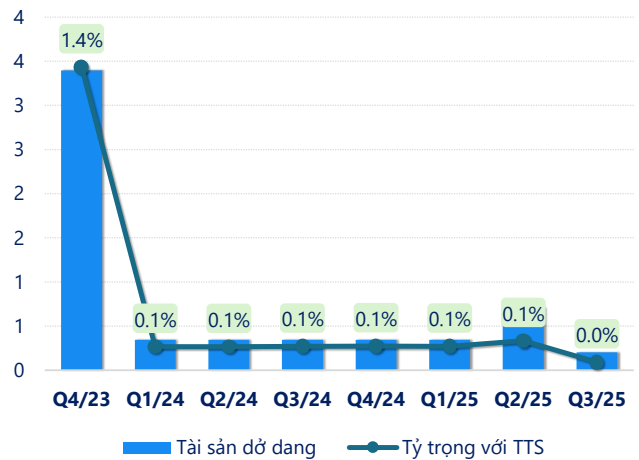
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

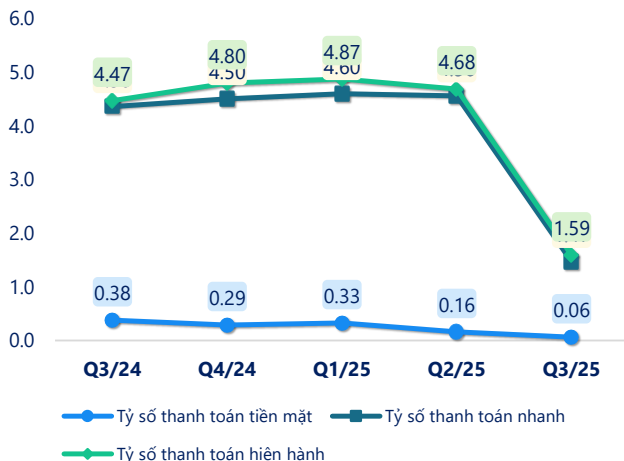
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



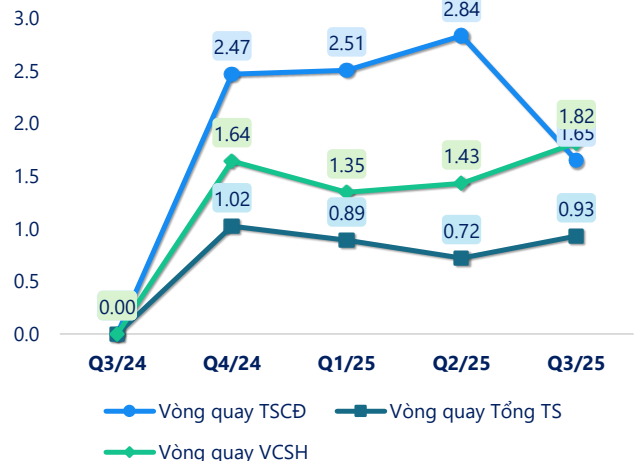
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	320	315	320	532	551
Tài sản ngắn hạn	202	204	211	428	171
Tiền và tương đương tiền	17.2	12.3	14.1	14.8	6.67
Đầu tư tài chính ngắn hạn	154	152	152	67.0	77.3
Phải thu ngắn hạn	20.8	22.5	27.4	329	67.9
Hàng tồn kho	5.15	12.4	11.9	11.6	12.8
Tài sản ngắn hạn khác	4.68	4.32	5.41	6.49	6.28
Tài sản dài hạn	118	112	108	103	381
Phải thu dài hạn	3.40	3.27	3.70	3.63	3.63
Tài sản cố định	114	108	104	99.1	377
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.35	0.35	0.35	0.71	0.20
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.09	0.02	0.84	0	0.01
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	108	96.3	94.8	305	318
Nợ ngắn hạn	45.2	42.4	43.3	91.5	108
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13.9	13.9	13.9	42.4	40.4
Phải trả người bán ngắn hạn	11.8	17.0	16.7	25.0	26.2
Nợ dài hạn	62.5	53.8	51.4	214	210
Vay và nợ thuê dài hạn	52.1	48.6	45.1	212	209
Nguồn vốn chủ sở hữu	212	219	225	227	234
Vốn chủ sở hữu	212	219	225	227	234
Vốn điều lệ	165	165	165	165	165
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)